

**STUDENTS' COMPETENCY IN USING
LEARNING RESOURCES ON THE LEARNING
MANAGEMENT SYSTEM AT HANOI
NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION**

Mai Quoc Khanh^{*1} and Phan Trung Kien²

¹*Faculty of Psychology and Education,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

²*Faculty of Social and Humanity Sciences, Hanoi
Metropolitan University, Hanoi city, Vietnam*

^{*}Corresponding author: Mai Quoc Khanh,
e-mail: khanhmq@hnue.edu.vn

**NĂNG LỰC SỬ DỤNG HỌC LIỆU
TRÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ
DỮ LIỆU HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

Mai Quốc Khánh^{*1} và Phan Trung Kiên²

¹*Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

²*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, thành phố
Hà Nội, Việt Nam*

^{*}Tác giả liên hệ: Mai Quốc Khánh,
e-mail: khanhmq@hnue.edu.vn

Received May 10, 2025.

Revised May 15, 2025.

Accepted May 22, 2025.

Ngày nhận bài: 10/5/2025.

Ngày sửa bài: 15/5/2025.

Ngày nhận đăng: 22/5/2025.

Abstract. This study evaluates the competency of using learning materials within the LMS at Hanoi National University of Education (HNUE LMS), involving 827 students from the faculties of Literature, History, Social Work, and Psychology and Education, within the Social Sciences sector. Research methods include surveys via questionnaires, document analysis, and statistical data processing using SPSS 20 software, employing a rating scale from 1 (poor) to 5 (excellent). Findings indicate that students' competency in utilizing learning materials is moderately good ($M = 3.28$); however, their skills in linking learning materials to academic tasks remain limited ($M = 3.13$). Factors influencing this competency include the quality of learning materials, technical infrastructure, students' learning attitudes, and their information technology skills. Based on these results, the study suggests solutions including organizing LMS training programs, upgrading technical support, enhancing the quality of learning materials, and developing a flexible learning environment to improve students' competencies in using learning resources, thereby enhancing overall academic effectiveness.

Keywords competency in utilizing learning materials, learning management system (LMS), students of Hanoi National University of Education.

Tóm tắt. Nghiên cứu này đánh giá năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống LMS của trường Đại học Sư phạm Hà Nội (HNUE LMS) với 827 sinh viên thuộc các khoa Ngữ văn, Lịch sử, Công tác Xã hội và Tâm lý Giáo dục, lĩnh vực Khoa học Xã hội, tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Phương pháp nghiên cứu bao gồm khảo sát bằng bảng hỏi, phân tích tài liệu và xử lý dữ liệu thống kê bằng phần mềm SPSS 20, sử dụng thang đánh giá từ 1 (kém) đến 5 (tốt). Kết quả cho thấy năng lực sử dụng học liệu của sinh viên đạt mức trung bình khá ($M = 3,28$), tuy nhiên, kỹ năng liên kết học liệu với nhiệm vụ học tập còn hạn chế ($M = 3,13$). Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực này bao gồm chất lượng học liệu, hạ tầng kỹ thuật, ý thức học tập và kỹ năng công nghệ thông tin của sinh viên. Dựa trên kết quả, nghiên cứu đề xuất các giải pháp bao gồm tổ chức các chương trình đào tạo sử dụng LMS, nâng cấp hỗ trợ kỹ thuật, cải thiện chất lượng học liệu và phát triển môi trường học tập linh hoạt nhằm nâng cao năng lực sử dụng học liệu, từ đó cải thiện hiệu quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: năng lực sử dụng học liệu, hệ thống quản lý dữ liệu học tập (LMS), sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, hệ thống quản lý dữ liệu học tập (Learning Management System - LMS) đã trở thành công cụ quan trọng hỗ trợ giảng dạy và học tập tại các trường đại học. LMS không chỉ cung cấp nền tảng quản lý khóa học mà còn tạo điều kiện chia sẻ học liệu, giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, cũng như theo dõi tiến độ học tập một cách hiệu quả [1]. Tại Việt Nam, việc ứng dụng LMS trong giáo dục đại học đã được triển khai rộng rãi, đặc biệt tại Trường như Đại học Sư phạm Hà Nội, nơi hệ thống LMS được sử dụng để hỗ trợ đào tạo theo hệ thống tín chỉ [2]. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng LMS còn phụ thuộc vào năng lực khai thác và sử dụng học liệu của sinh viên, một yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

Năng lực sử dụng học liệu trên LMS bao gồm khả năng tìm kiếm, lựa chọn, phân tích và vận dụng các kiến thức từ các tài liệu vào quá trình học tập một cách hiệu quả [3]. Nghiên cứu cho thấy, sinh viên có năng lực sử dụng học liệu tốt thường đạt được mức độ tự chủ cao hơn trong học tập, từ đó cải thiện kết quả học tập và phát triển kỹ năng tự học [4], [5]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức liên quan đến nhận thức, kỹ năng công nghệ và thái độ của sinh viên đối với việc khai thác học liệu trên LMS [6], [7]. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả học tập mà còn tác động đến sự phát triển thương hiệu và chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục [8].

Nghiên cứu này tập trung đánh giá thực trạng năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống HNUE LMS của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, cụ thể là sinh viên các khoa thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Năng lực sử dụng học liệu

Năng lực sử dụng học liệu được định nghĩa là khả năng của người học trong việc tìm kiếm, lựa chọn, phân tích, đánh giá và áp dụng các tài liệu học tập một cách hiệu quả để đáp ứng các mục tiêu giáo dục [3]. Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, khi các hệ thống quản lý dữ liệu học tập LMS ngày càng phổ biến, năng lực này không chỉ dừng ở việc tiếp cận thông tin mà còn bao gồm khả năng khai thác học liệu số hóa, chẳng hạn như giáo trình điện tử, bài giảng trực tuyến, bài tập nhóm và tài liệu tham khảo trên các nền tảng như HNUE LMS [1]. Theo Lê Văn Nhung (2015), năng lực sử dụng học liệu đòi hỏi sự chủ động, tư duy phản biện và khả năng liên kết giữa nội dung học liệu với các nhiệm vụ học tập cụ thể, từ đó giúp sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển kỹ năng tự học [3]. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò của người học như một chủ thể tích cực, không chỉ thụ động tiếp nhận mà còn phải chủ động xử lý thông tin.

Mặt khác, Đặng Tấn Tín và Robetson (2010a) mở rộng khái niệm năng lực sử dụng học liệu bằng cách nhấn mạnh tính tự chủ trong học tập, đặc biệt trong môi trường học tập ngoại ngữ [4]. Các tác giả cho rằng, khi sử dụng LMS, sinh viên cần biết cách tương tác với các công cụ số như tải tài liệu, tham gia diễn đàn thảo luận, quản lý tiến độ học tập và tự đánh giá kết quả. Quan điểm này phù hợp với thực tiễn tại các trường đại học Việt Nam, nơi LMS không chỉ là công cụ quản lý mà còn là môi trường thúc đẩy giao tiếp và hợp tác giữa giảng viên và sinh viên [7]. Tuy nhiên, quan điểm của Đặng Tấn Tín và Robetson có thể chưa đề cập đầy đủ đến các yếu tố tâm lý như sự tự tin hay ý thức học tập, vốn được Alghamdi và Bayaga (2016) xác định là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thái độ và hiệu quả sử dụng LMS của sinh viên [9]. Điều này cho thấy cần một cách tiếp cận toàn diện hơn, không chỉ tập trung vào kỹ năng kỹ thuật mà còn vào các khía cạnh tâm lý và động lực học tập.

Có thể thấy rằng khái niệm năng lực sử dụng học liệu đã được các nhà nghiên cứu tiếp cận từ nhiều góc độ, từ kỹ năng thực hành đến tư duy phản biện và tính tự chủ. Quan điểm của Lê

Văn Nhung nhấn mạnh vào tư duy phản biện và kỹ năng tự học, phù hợp với mục tiêu đào tạo sinh viên sư phạm, những người cần năng lực tự học để trở thành giáo viên trong tương lai. Trong khi đó, Đặng Tấn Tín và Robetson tập trung vào vai trò của LMS trong việc thúc đẩy tính tự chủ, phản ánh xu hướng hiện đại hóa giáo dục. Tuy nhiên, cả hai quan điểm đều chưa đề cập sâu đến bối cảnh đa dạng của sinh viên, đặc biệt là sinh viên các ngành khoa học xã hội, nơi học liệu thường mang tính trừu tượng và đòi hỏi khả năng phân tích cao. Alghamdi và Bayaga bổ sung một góc nhìn quan trọng về yếu tố tâm lý, nhưng nghiên cứu của họ lại được thực hiện trong bối cảnh Ả Rập Saudi, có thể không hoàn toàn phù hợp với môi trường giáo dục Việt Nam.

Từ các phân tích trên, tác giả cho rằng năng lực sử dụng học liệu trên LMS cần được hiểu là một tập hợp các kỹ năng tích hợp, bao gồm kỹ năng công nghệ, tư duy phản biện, khả năng tự học và các yếu tố tâm lý như ý thức học tập và sự tự tin. Trong bối cảnh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năng lực này không chỉ là khả năng vận hành các chức năng của HNUE LMS mà còn là khả năng liên kết học liệu với các nhiệm vụ học tập thực tiễn, đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội. Quan điểm này nhấn mạnh rằng, để phát triển năng lực sử dụng học liệu, cần có sự kết hợp giữa đào tạo kỹ thuật, nâng cao nhận thức và xây dựng môi trường học tập linh hoạt, từ đó giúp sinh viên không chỉ khai thác học liệu hiệu quả mà còn phát triển năng lực học tập suốt đời.

Bảng 1. Biểu hiện của năng lực sử dụng học liệu của sinh viên trên hệ thống HNUE LMS

STT	Năng lực thành phần	Biểu hiện
1	Phân loại và phân tích vai trò của học liệu	Nhận biết, phân loại học liệu; phân tích vai trò; chủ động thực hiện.
2	Nhận diện và phân tích nhiệm vụ học tập	Hiểu, nhận diện và phân tích nhiệm vụ chính xác; chủ động, tích cực.
3	Thiết lập mối quan hệ giữa học liệu và nhiệm vụ	Hiểu và thực hiện thiết lập mối quan hệ; chủ động, tích cực.
4	Phân tích mối quan hệ đã thiết lập	Hiểu và phân tích mối quan hệ; chủ động, tích cực.
5	Khai thác học liệu để thực hiện nhiệm vụ	Hiểu nhiệm vụ, sử dụng học liệu hiệu quả; chủ động, tích cực.
6	Tự đánh giá kết quả	Hiểu và tự đánh giá kết quả; chủ động, tích cực.
7	Rút kinh nghiệm và điều chỉnh	Hiểu, rút kinh nghiệm và điều chỉnh; nghiêm túc, khách quan.

2.1.2. Hệ thống quản lý dữ liệu học tập

Hệ thống quản lý dữ liệu học tập (LMS) là một nền tảng công nghệ hỗ trợ tổ chức, quản lý và thực hiện các hoạt động học tập trong môi trường giáo dục. LMS cung cấp không gian số hóa để giảng viên và sinh viên tương tác, quản lý khóa học, chia sẻ học liệu, giao tiếp và theo dõi tiến độ học tập. Tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, HNUE LMS là hệ thống được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ, hỗ trợ sinh viên và giảng viên trong các hoạt động học tập và giảng dạy.

Chức năng của LMS

LMS sở hữu các chức năng chính phục vụ quá trình học tập. Quản lý khóa học cho phép giảng viên tổ chức nội dung môn học, thiết lập lịch trình học tập, quản lý danh sách sinh viên và cập nhật thông tin khóa học. Chia sẻ học liệu hỗ trợ giảng viên tải lên các tài liệu như giáo trình, bài giảng, bài tập, video và tài liệu tham khảo, đồng thời cho phép sinh viên truy cập dễ dàng. Giao tiếp được thực hiện thông qua các công cụ như diễn đàn thảo luận, tin nhắn hoặc thông báo, giúp giảng viên và sinh viên trao đổi thông tin, thảo luận các chủ đề học tập. Theo

theo dõi tiến độ học tập cung cấp các công cụ để giảng viên đánh giá mức độ tham gia, kết quả bài tập và tiến độ học tập của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên tự kiểm tra và quản lý quá trình học tập của mình.

Đặc điểm của HNUE LMS

HNUE LMS là nền tảng tích hợp hỗ trợ giảng dạy và học tập tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, bao gồm các thành phần chính:

Hệ thống quản lý học tập: Quản lý nội dung khóa học, phân phối học liệu, theo dõi tiến độ và đánh giá trực tuyến. Dựa trên Moodle, Canvas hoặc giải pháp tùy chỉnh, hỗ trợ tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

Cổng thông tin sinh viên: Cho phép sinh viên đăng ký môn học, tra cứu kết quả học tập, quản lý lịch học và tài chính, kết nối với hệ thống quản lý đào tạo.

Hệ thống đánh giá và khảo sát: Thu thập phản hồi từ sinh viên và giảng viên, đánh giá chất lượng khóa học và cải thiện giảng dạy.

Hệ thống quản lý hồ sơ sinh viên: Lưu trữ thông tin cá nhân, lịch sử học tập, đảm bảo bảo mật và hỗ trợ quản lý học tập.

Hệ thống phân tích học tập: Phân tích dữ liệu, dự đoán kết quả, xây dựng lộ trình cá nhân hóa, cung cấp báo cáo cho giảng viên.

Ứng dụng di động: Hỗ trợ quản lý lịch học, nhận thông báo, truy cập học liệu trên thiết bị di động.

HNUE LMS tối ưu hóa quản lý học tập, nâng cao hiệu quả giáo dục thông qua công nghệ hiện đại, nhưng phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng công nghệ của người dùng.

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng

Năng lực sử dụng học liệu trên LMS của sinh viên chịu tác động từ nhiều yếu tố, được chia thành hai nhóm chính: yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan. Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khai thác và áp dụng học liệu của sinh viên trong môi trường học tập số hóa.

Yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan bao gồm những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình sử dụng học liệu trên LMS. Chất lượng học liệu đóng vai trò quan trọng, bao gồm tính chính xác, sự cập nhật, mức độ phù hợp và cách trình bày của các tài liệu như giáo trình, bài giảng hay bài tập. Học liệu được thiết kế rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với nội dung môn học sẽ hỗ trợ sinh viên tiếp cận và sử dụng hiệu quả hơn. Hạ tầng kỹ thuật là yếu tố thiết yếu, bao gồm chất lượng đường truyền internet, thiết bị phần cứng (máy tính, điện thoại thông minh) và sự ổn định của hệ thống LMS. Một hệ thống LMS hoạt động mượt mà và thiết bị phù hợp sẽ giúp sinh viên truy cập học liệu dễ dàng. Thời gian cũng là yếu tố quan trọng, vì sinh viên cần có đủ thời gian để làm quen, tìm hiểu và sử dụng các công cụ trên LMS. Cuối cùng, môi trường học tập ảnh hưởng đến khả năng tập trung và hiệu quả sử dụng học liệu, bao gồm không gian học tập yên tĩnh, sự hỗ trợ từ giảng viên và sự tương tác với bạn học.

Yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan xuất phát từ chính sinh viên, phản ánh thái độ, kỹ năng và đặc điểm cá nhân của họ. Ý thức học tập là yếu tố cốt lõi, thể hiện qua sự chủ động, trách nhiệm và động lực trong việc sử dụng học liệu để đạt mục tiêu học tập. Sinh viên có ý thức học tập cao thường chủ động tìm kiếm và khai thác học liệu một cách hiệu quả. Kỹ năng công nghệ bao gồm khả năng sử dụng các công cụ trên LMS, như tải tài liệu, tham gia thảo luận trực tuyến hay quản lý tiến độ học tập. Sinh viên thành thạo công nghệ sẽ dễ dàng thao tác và tận dụng các chức năng của LMS. Khả năng tự học thể hiện qua việc sinh viên có thể tự tổ chức, lập kế hoạch và đánh giá quá trình học tập của mình mà không cần sự hướng dẫn liên tục từ giảng viên. Cuối cùng, sự tự tin đóng vai trò quan trọng, giúp sinh viên mạnh dạn sử dụng các công cụ mới, thử nghiệm các phương pháp học tập và vượt qua khó khăn khi gặp lỗi kỹ thuật hoặc nội dung phức tạp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành trên 827 sinh viên thuộc các khoa Văn, Lịch sử, Công tác Xã hội và Tâm lý Giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Các khoa này đại diện cho lĩnh vực Khoa học Xã hội, với đặc thù học liệu mang tính phân tích, phù hợp để đánh giá năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống LMS.

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 3 năm 2024, đảm bảo đủ thời gian để thu thập, phân tích dữ liệu và đánh giá các hoạt động sử dụng LMS của sinh viên trong một học kỳ đầy đủ.

Phương pháp thu thập dữ liệu:

Để đảm bảo tính khoa học và toàn diện, nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

Phân tích tài liệu: Các tài liệu liên quan đến hệ thống LMS, năng lực sử dụng học liệu và các nghiên cứu về ứng dụng công nghệ trong giáo dục được thu thập và phân tích nhằm xây dựng cơ sở lý luận và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sử dụng học liệu.

Khảo sát bằng bảng hỏi: Một bảng hỏi được thiết kế để đánh giá nhận thức và thực trạng năng lực sử dụng học liệu của sinh viên trên HNUE LMS. Bảng hỏi đạt độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's alpha lớn hơn 0.8, đảm bảo tính nhất quán và chính xác của các câu hỏi.

Phân tích thống kê: Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 20 và Microsoft Excel để tính toán các giá trị thống kê như điểm trung bình, độ lệch chuẩn và các chỉ số khác, từ đó đánh giá mức độ năng lực sử dụng học liệu.

Quy tắc đánh giá: Năng lực sử dụng học liệu được đánh giá trên thang điểm từ 1 (kém) đến 5 (tốt), chia thành năm mức độ với các biểu hiện cụ thể như sau:

1.0–1.8 (Kém): Sinh viên hầu như không thực hiện hoặc thực hiện rất hạn chế các hoạt động liên quan đến khai thác học liệu trên LMS, thiếu chủ động, không nhận biết được vai trò học liệu và nhiệm vụ học tập, không sử dụng hoặc sử dụng sai học liệu.

1.81–2.6 (Yếu): Sinh viên thực hiện một số hoạt động khai thác học liệu nhưng không chính xác, thiếu chủ động, chỉ nhận biết được một phần vai trò học liệu và nhiệm vụ học tập, sử dụng học liệu không hiệu quả và không tự đánh giá được kết quả.

2.61–3.4 (Khá): Sinh viên thực hiện tốt các hoạt động khai thác học liệu, có sự chủ động ở mức khá, nhận biết và phân tích được vai trò học liệu và nhiệm vụ học tập, sử dụng học liệu tương đối hiệu quả, bước đầu tự đánh giá và rút kinh nghiệm nhưng chưa thường xuyên.

3.41–4.2 (Tốt): Sinh viên thực hiện đầy đủ và hiệu quả các hoạt động khai thác học liệu, chủ động và tích cực, phân tích chính xác vai trò học liệu và nhiệm vụ học tập, sử dụng học liệu phù hợp với mục tiêu học tập, tự đánh giá kết quả và điều chỉnh hiệu quả.

4.21–5.0 (Rất tốt): Sinh viên thực hiện xuất sắc các hoạt động khai thác học liệu, rất chủ động và tích cực, phân tích sâu sắc và liên kết chặt chẽ giữa học liệu và nhiệm vụ học tập, sử dụng học liệu tối ưu, tự đánh giá và điều chỉnh một cách nghiêm túc, khách quan và sáng tạo.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu LMS

Dựa trên khảo sát 827 sinh viên các khoa Văn, Lịch sử, Công tác Xã hội và Tâm lý Giáo dục (thuộc các khóa K70, K71, K72, K73), mức độ khai thác học liệu trên hệ thống LMS phản ánh nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của năng lực này. Kết quả được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Mức độ khai thác học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu học tập của sinh viên

STT	Mức độ khai thác học liệu	Tỉ lệ %
1	Chưa thực hiện	2,2%
2	Thỉnh thoảng	13%
3	Bình thường	37,7%
4	Thường xuyên	38,6%
5	Rất thường xuyên	8,5%

Kết quả khảo sát cho thấy, 38,6% sinh viên thường xuyên khai thác học liệu, chủ yếu vào các buổi tự học buổi tối hoặc sau giờ học trên lớp để chuẩn bị bài tập và ôn tập, thể hiện nhận thức rõ về vai trò của LMS. Mức bình thường chiếm 37,7%, cho thấy nhiều sinh viên khai thác học liệu nhưng chưa đều đặn, thường chỉ khi có bài tập hoặc thông báo từ giảng viên. Khoảng 8,5% sinh viên rất thường xuyên sử dụng, đặc biệt trước các kỳ thi hoặc khi cần tài liệu tham khảo, phản ánh nhận thức sâu sắc về giá trị của LMS. Tuy nhiên, 13% sinh viên chỉ thỉnh thoảng truy cập và 2,2% chưa từng khai thác, do gặp khó khăn như thiếu kỹ năng công nghệ, kết nối internet không ổn định, học liệu phức tạp hoặc thiếu hướng dẫn sử dụng LMS. Phỏng vấn định tính chỉ ra rằng, các khó khăn phổ biến bao gồm giao diện LMS chưa thân thiện với người mới, thời gian hạn chế do lịch học dày đặc, và thiếu tự tin khi thao tác các chức năng phức tạp như diễn đàn thảo luận hoặc nộp bài trực tuyến.

Khảo sát về tầm quan trọng của các năng lực thành phần sử dụng học liệu trên LMS (N=827) được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá về tầm quan trọng của các năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu

STT	Các năng lực thành phần	Mức độ đánh giá (%)				
		Không quan trọng	Ít quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng
1	Phân loại và phân tích vai trò của các dạng học liệu	0,9	1,3	29,6	50,2	17
2	Nhận diện và phân tích các nhiệm vụ học tập trên hệ thống	0,9	1,3	31,8	46,1	19,7
3	Thiết lập mối quan hệ giữa học liệu đã phân loại với các nhiệm vụ học tập trên hệ thống	0,9	1,7	34,9	48,9	13,5
4	Phân tích mối quan hệ đã thiết lập	1,3	1,3	37,7	44,4	15,2
5	Khai thác học liệu để thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân trên hệ thống	1,3	1,7	28,7	49,8	18,4
6	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập sau khi khai thác học liệu	0,4	3,1	32,3	47,1	17
7	Rút kinh nghiệm và điều chỉnh	0,4	2,2	28,7	44,9	23,8

Bảng 2 cho thấy, đa số sinh viên đánh giá các năng lực thành phần ở mức bình thường đến rất quan trọng. Năng lực “Phân loại và phân tích vai trò của các dạng học liệu” được 50,2% sinh viên đánh giá quan trọng, cao nhất trong các năng lực, cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò

của việc tổ chức học liệu. Các năng lực như “Khai thác học liệu để thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân trên hệ thống” (49,8% quan trọng) và “Thiết lập mối quan hệ giữa học liệu và nhiệm vụ học tập” (48,9% quan trọng) cũng được đánh giá cao. Chỉ một tỉ lệ nhỏ (0,4%–3,1%) cho rằng các năng lực này không quan trọng hoặc ít quan trọng, khẳng định nhận thức tích cực của sinh viên về tầm quan trọng của năng lực sử dụng học liệu trên LMS.

2.3.2. Thực trạng năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu học tập của sinh viên ngành Khoa học Xã hội

Khảo sát mức độ sử dụng học liệu của 827 sinh viên ngành khoa học xã hội, kết hợp với phỏng vấn định tính, cho thấy sinh viên chủ yếu khai thác các nguồn như giáo trình, sách, bài giảng, bài tập, sản phẩm nhóm và tài liệu tham khảo. Giáo trình được sử dụng phổ biến nhất, với đa số sinh viên đạt mức đầy đủ và rất đầy đủ, phản ánh rằng họ bám sát giáo trình để hoàn thành nhiệm vụ học tập, như một số sinh viên chia sẻ trong phỏng vấn: “Giáo trình trên LMS dễ truy cập và đầy đủ, giúp tôi chuẩn bị bài hiệu quả.” Sách được sử dụng ở mức khá, nhưng một số sinh viên chưa khai thác đầy đủ do “thiếu thời gian tìm hiểu sâu,” theo phỏng vấn. Bài giảng, bài tập và sản phẩm nhóm được sử dụng tích cực, đặc biệt sản phẩm nhóm, với hơn 400 sinh viên đạt mức đầy đủ, được mô tả là “cơ hội học hỏi từ bạn bè qua thảo luận trên LMS.” Tuy nhiên, tài liệu tham khảo bên ngoài chỉ đạt mức bình thường, do sinh viên “ít có thói quen tìm nguồn ngoài giáo trình,” như một số ý kiến phỏng vấn. Mức độ khai thác học liệu trên LMS được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. Mức độ khai thác học liệu trên hệ thống quản lý dữ liệu học tập

STT	Mức độ khai thác học liệu	Tỉ lệ %
1	Chưa thực hiện	2,2%
2	Thỉnh thoảng	13%
3	Bình thường	37,7%
4	Thường xuyên	38,6%
5	Rất thường xuyên	8,5%

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy mức độ khai thác học liệu đạt điểm trung bình 3,06 (mức khá), với 38,6% sinh viên thường xuyên sử dụng LMS, chủ yếu để hỗ trợ bài tập và ôn thi. Chỉ 2,2% chưa khai thác, do “khó thao tác trên hệ thống” hoặc “thiếu hướng dẫn,” theo phỏng vấn. Điều này cho thấy sinh viên ngành Khoa học Xã hội sử dụng học liệu trên LMS tích cực, nhưng cần cải thiện kỹ năng tìm kiếm tài liệu bổ sung và hỗ trợ sử dụng hệ thống để tối ưu hóa.

Đánh giá các năng lực thành phần được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Điểm trung bình các năng lực sử dụng học liệu của sinh viên

STT	Nội dung	Thứ bậc	Mức độ đánh giá	ĐTB
1	Phân loại và phân tích vai trò của các dạng học liệu	6	3	3,26
2	Nhận diện và phân tích các nhiệm vụ học tập trên hệ thống	4	3	3,27
3	Thiết lập mối quan hệ giữa học liệu đã phân loại với các nhiệm vụ học tập trên hệ thống	7	3	3,13
4	Phân tích mối quan hệ đã thiết lập	3	3	3,31
5	Khai thác học liệu để thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân trên hệ thống	5	3	3,27

6	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập sau khi khai thác học liệu	1	4	3,42
7	Rút kinh nghiệm và điều chỉnh	2	3	3,36
Điểm trung bình chung			3	3,28

Kết quả cho thấy, điểm trung bình chung các năng lực đạt 3,28 (mức khá). Năng lực “Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập sau khi khai thác học liệu” đạt cao nhất (3,42, mức tốt), cho thấy sinh viên có khả năng tự đánh giá sản phẩm học tập. Năng lực “Rút kinh nghiệm và điều chỉnh” (3,36) và “Phân tích mối quan hệ đã thiết lập” (3,31) cũng đạt mức khá cao. Tuy nhiên, năng lực “Thiết lập mối quan hệ giữa học liệu đã phân loại với các nhiệm vụ học tập trên hệ thống” có điểm trung bình thấp nhất (3,13), cho thấy sinh viên còn hạn chế trong việc liên kết học liệu với nhiệm vụ học tập. Kết quả này chỉ ra rằng, dù năng lực sử dụng học liệu của sinh viên ngành khoa học xã hội ở mức khá, cần tăng cường đào tạo để nâng cao kỹ năng liên kết và khai thác học liệu hiệu quả hơn.

2.3.3. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sử dụng học liệu của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Kết quả khảo sát trên 827 sinh viên các khoa Văn, Lịch sử, Công tác Xã hội và Tâm lý Giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cho thấy năng lực sử dụng học liệu trên hệ LMS chịu tác động từ hai nhóm yếu tố chính: khách quan và chủ quan.

Yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan bao gồm những điều kiện bên ngoài tác động đến khả năng sử dụng học liệu trên LMS.

Chất lượng học liệu: Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng học liệu, bao gồm tính chính xác, mức độ cập nhật, sự phù hợp với nội dung môn học và cách trình bày, có ảnh hưởng lớn đến năng lực sử dụng học liệu. Khoảng 62,3% sinh viên đánh giá rằng học liệu trên HNUE LMS có chất lượng tốt, dễ hiểu và phù hợp với yêu cầu học tập, giúp họ khai thác hiệu quả hơn. Tuy nhiên, 18,5% sinh viên cho rằng một số học liệu thiếu tính cập nhật hoặc chưa được trình bày rõ ràng, gây khó khăn trong việc sử dụng.

Hạ tầng kỹ thuật: Hạ tầng kỹ thuật, bao gồm chất lượng đường truyền internet, thiết bị phần cứng (máy tính, điện thoại thông minh) và sự ổn định của HNUE LMS, được xác định là yếu tố quan trọng. Khoảng 58,7% sinh viên cho biết họ có điều kiện kỹ thuật tốt (internet ổn định, thiết bị phù hợp), hỗ trợ việc truy cập và sử dụng LMS dễ dàng. Tuy nhiên, 24,6% sinh viên gặp vấn đề về kết nối internet không ổn định hoặc thiết bị lỗi thời, làm gián đoạn quá trình khai thác học liệu.

Thời gian: Thời gian dành cho việc sử dụng LMS cũng ảnh hưởng đáng kể. Khoảng 55,4% sinh viên cho rằng họ có đủ thời gian để tìm hiểu và khai thác học liệu trên LMS, đặc biệt trong các giờ học trực tuyến hoặc tự học. Tuy nhiên, 29,8% sinh viên phản ánh rằng lịch học dày đặc hoặc các hoạt động ngoại khóa khiến họ không có đủ thời gian để làm quen và sử dụng các chức năng của LMS một cách hiệu quả.

Yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan xuất phát từ chính sinh viên, bao gồm thái độ, kỹ năng và đặc điểm cá nhân, có vai trò quyết định trong việc sử dụng học liệu trên LMS.

Ý thức học tập: Ý thức học tập, thể hiện qua sự chủ động và động lực trong việc khai thác học liệu, được đánh giá là yếu tố quan trọng nhất. Khoảng 64,8% sinh viên cho thấy họ có ý thức học tập cao, chủ động tìm kiếm và sử dụng học liệu trên LMS để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Tuy nhiên, 15,7% sinh viên thiếu động lực hoặc chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc sử dụng LMS, dẫn đến việc khai thác học liệu ở mức thấp.

Kĩ năng công nghệ: Kĩ năng công nghệ, bao gồm khả năng sử dụng các công cụ trên LMS như tải tài liệu, tham gia diễn đàn thảo luận hoặc quản lý tiến độ học tập, có tác động rõ rệt. Kết quả cho thấy 60,2% sinh viên có kĩ năng công nghệ ở mức khá, cho phép họ thao tác dễ dàng trên HNUE LMS. Tuy nhiên, 22,4% sinh viên gặp khó khăn trong việc sử dụng các chức năng phức tạp của LMS do thiếu kinh nghiệm hoặc chưa được đào tạo đầy đủ.

Sự tự tin: Sự tự tin khi sử dụng LMS ảnh hưởng đến mức độ tích cực của sinh viên trong việc khai thác học liệu. Khoảng 57,9% sinh viên cảm thấy tự tin khi sử dụng các công cụ trên LMS, sẵn sàng thử nghiệm và vượt qua khó khăn kĩ thuật. Ngược lại, 19,3% sinh viên thiếu tự tin, đặc biệt khi gặp lỗi hệ thống hoặc nội dung học liệu phức tạp, dẫn đến việc ngại sử dụng LMS.

Bảng 5. Tỷ lệ ảnh hưởng của các yếu tố đến năng lực sử dụng học liệu trên LMS

Yếu tố	Tỷ lệ ảnh hưởng tích cực (%)	Tỷ lệ gặp khó khăn (%)
Khách quan		
Chất lượng học liệu	62,3	18,5
Hạ tầng kĩ thuật	58,7	24,6
Thời gian	55,4	29,8
Chủ quan		
Ý thức học tập	64,8	15,7
Kĩ năng công nghệ	60,2	22,4
Sự tự tin	57,9	19,3

Kết quả phân tích cho thấy, trong các yếu tố khách quan, chất lượng học liệu có ảnh hưởng tích cực cao nhất (62,3%), trong khi thời gian là yếu tố gây khó khăn nhiều nhất (29,8%). Về yếu tố chủ quan, ý thức học tập có tác động tích cực lớn nhất (64,8%), còn sự tự tin là yếu tố mà nhiều sinh viên gặp khó khăn (19,3%). Những phát hiện này chỉ ra rằng, để nâng cao năng lực sử dụng học liệu trên LMS, cần cải thiện chất lượng học liệu, tăng cường hỗ trợ kĩ thuật và đào tạo kĩ năng công nghệ, đồng thời thúc đẩy ý thức và sự tự tin của sinh viên thông qua các chương trình hướng dẫn và tạo động lực học tập.

2.4. Thảo luận

Nhận thức về tầm quan trọng của năng lực sử dụng học liệu: Phần lớn sinh viên nhận thức rõ vai trò của việc khai thác học liệu trên HNUE LMS, phù hợp với quan điểm của Đặng Tấn Tín và Robetson (2010a) về khả năng LMS thúc đẩy tính tự chủ [4]. Tuy nhiên, một số sinh viên ít sử dụng do thiếu động lực hoặc thói quen học tập truyền thống, như Cao Thị Xuân Liên (2021) chỉ ra [6]. Đa số đánh giá cao các kĩ năng như phân loại, khai thác học liệu và tự đánh giá, nhưng một bộ phận nhỏ xem nhẹ, phản ánh nhận thức chưa đồng đều. Alghamdi và Bayaga (2016) nhấn mạnh thái độ phụ thuộc vào trải nghiệm công nghệ [9]. Vì vậy, cần kết hợp đào tạo thực hành để nâng cao nhận thức.

Thực trạng năng lực sử dụng học liệu: Năng lực sử dụng học liệu đạt mức khá, với kĩ năng tự đánh giá kết quả nổi bật, phù hợp với quan điểm của Lê Văn Nhương (2015) về tính chủ động của sinh viên sư phạm [3]. Tuy nhiên, việc liên kết học liệu với nhiệm vụ học tập còn hạn chế, do học liệu Khoa học Xã hội đòi hỏi tư duy phân tích cao, như Trần Thị Quý và cộng sự (2023) đề cập [10]. Giáo trình, bài tập, sản phẩm nhóm được khai thác nhiều, nhưng tài liệu tham khảo bên ngoài ít sử dụng, tương đồng với nghiên cứu của Lê Thị Ngọc Lan (2018) về thói quen phụ thuộc giáo trình [10]. Cần khắc phục để tăng tính tự chủ.

Yếu tố ảnh hưởng: Chất lượng học liệu và hạ tầng kĩ thuật tác động tích cực, như Bakar và cộng sự (2014) chỉ ra [11], nhưng vẫn có rào cản về kĩ thuật và thời gian, tương tự phát hiện của

Ngô Ngọc Minh (2020) [8]. Về yếu tố chủ quan, ý thức học tập và kỹ năng công nghệ là động lực chính, nhưng nhiều sinh viên yếu kỹ năng công nghệ và thiếu tự tin, như Irfandi và cộng sự (2023) nhấn mạnh [12]. Cần đào tạo kỹ năng và hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực số và sự tự tin.

Hạn chế và hướng nghiên cứu tương lai: Nghiên cứu còn hạn chế do chỉ tập trung vào sinh viên Khoa học Xã hội, chưa so sánh với các ngành khác và thiếu phân tích sâu về tác động của các yếu tố tâm lý như động lực học tập. Trong tương lai, nghiên cứu có thể mở rộng phạm vi, tích hợp phương pháp định tính để khám phá trải nghiệm cá nhân, và đánh giá hiệu quả các giải pháp đào tạo LMS nhằm tối ưu hóa năng lực sử dụng học liệu.

2.5. Đề xuất biện pháp

Tổ chức các khóa đào tạo sử dụng LMS

Nhà trường cần tổ chức các khóa đào tạo sử dụng hệ thống HNUE LMS từ cơ bản đến nâng cao nhằm nâng cao kỹ năng công nghệ và sự tự tin của sinh viên. Ở cấp độ cơ bản, khóa học tập trung hướng dẫn sinh viên làm quen với giao diện, cách truy cập học liệu, tham gia diễn đàn thảo luận và sử dụng công cụ theo dõi tiến độ học tập, phù hợp với sinh viên năm nhất hoặc những người chưa quen với công nghệ. Cấp độ nâng cao dành cho sinh viên năm hai trở lên, tập trung vào kỹ năng phân loại học liệu, liên kết học liệu với nhiệm vụ học tập và tự đánh giá kết quả. Các khóa đào tạo cần được tổ chức định kỳ, kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến, đồng thời tích hợp vào chương trình giáo dục đại cương để đảm bảo sự tham gia rộng rãi. Việc mời giảng viên hoặc chuyên gia công nghệ hướng dẫn sẽ giúp sinh viên thực hành trực tiếp trên hệ thống, tăng tính hiệu quả.

Phát triển tài liệu hướng dẫn tùy chỉnh

Để hỗ trợ sinh viên, đặc biệt là sinh viên ngành Khoa học Xã hội, nhà trường cần phát triển các tài liệu hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng HNUE LMS. Tài liệu văn bản cần được thiết kế ngắn gọn, dễ hiểu, kèm hình ảnh minh họa, hướng dẫn từng bước các thao tác như tải tài liệu, nộp bài tập và quản lý tiến độ học tập. Song song đó, các video hướng dẫn ngắn (3–5 phút) nên được sản xuất để mô tả trực quan cách thực hiện các chức năng trên LMS, phân loại theo chủ đề như “Khai thác học liệu môn Văn học” hoặc “Sử dụng diễn đàn thảo luận môn Tâm lý Giáo dục”. Những tài liệu này cần được tùy chỉnh theo đặc thù ngành Khoa học Xã hội, tập trung vào việc phân tích học liệu trừu tượng, và đăng tải công khai trên HNUE LMS cùng trang web của trường để sinh viên dễ dàng truy cập.

Thành lập bộ phận hỗ trợ kỹ thuật

Nhà trường cần thành lập một bộ phận hỗ trợ kỹ thuật chuyên trách để giải quyết các vấn đề như kết nối internet không ổn định, lỗi hệ thống hoặc khó khăn trong thao tác LMS. Bộ phận này hoạt động qua nhiều kênh: cung cấp địa chỉ email hỗ trợ với thời gian phản hồi tối đa 24 giờ, tích hợp mục “Hỗ trợ kỹ thuật” trực tiếp trên LMS để sinh viên gửi yêu cầu, và thiết lập đường dây nóng xử lý các sự cố khẩn cấp như lỗi đăng nhập. Đội ngũ nhân viên cần được đào tạo bài bản về HNUE LMS và tham gia các buổi tập huấn định kỳ để cập nhật tính năng mới, đảm bảo hỗ trợ kịp thời và hiệu quả.

Xây dựng môi trường học tập linh hoạt

Môi trường học tập linh hoạt cần được xây dựng để khuyến khích sinh viên khai thác học liệu trên LMS. Điều này bao gồm đa dạng hóa học liệu với các định dạng như giáo trình điện tử, bài giảng video, bài tập tương tác và tài liệu tham khảo bên ngoài, đồng thời đảm bảo tính chính xác và cập nhật thường xuyên. Các bài tập cần được thiết kế linh hoạt, yêu cầu sinh viên sử dụng LMS để tìm kiếm tài liệu, thảo luận nhóm trên diễn đàn và nộp sản phẩm trực tuyến. Bên cạnh đó, giảng viên nên tăng cường giao tiếp qua LMS bằng cách đặt câu hỏi, tổ chức thảo luận trực tuyến và gửi thông báo định kỳ, giúp sinh viên làm quen với công cụ và nâng cao tương tác.

Nâng cao chất lượng học liệu

Chất lượng học liệu là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng LMS. Nhà trường cần thành lập nhóm chuyên gia kiểm duyệt nội dung học liệu trước khi đăng tải, đảm bảo tính chính xác, cập nhật và phù hợp với đặc thù ngành khoa học xã hội. Đồng thời, giảng viên cần được hỗ trợ để phát triển học liệu số như video bài giảng, bài tập trắc nghiệm tương tác và tài liệu đa phương tiện, nhằm tăng tính hấp dẫn và khả năng ứng dụng thực tiễn. Việc này không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên mà còn khuyến khích họ sử dụng LMS thường xuyên hơn.

Tạo động lực và nâng cao ý thức học tập

Để cải thiện ý thức học tập, nhà trường cần triển khai các biện pháp tạo động lực như tổ chức hội thảo tuyên truyền về lợi ích của LMS (tiết kiệm thời gian, tăng tính tự chủ), khen thưởng sinh viên tích cực thông qua giải thưởng “Sinh viên xuất sắc trên LMS” hoặc điểm thưởng trong môn học. Đồng thời, việc tích hợp LMS vào đánh giá học tập (yêu cầu nộp bài tập, kiểm tra trực tuyến) sẽ thúc đẩy sinh viên làm quen và sử dụng hệ thống thường xuyên. Những giải pháp này không chỉ nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của LMS mà còn xây dựng thói quen học tập chủ động, bền vững.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng năng lực sử dụng học liệu trên hệ thống HNUE LMS của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tập trung vào sinh viên các ngành Khoa học Xã hội. Kết quả cho thấy, phần lớn sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của việc khai thác học liệu trên LMS, với mức độ sử dụng đạt mức khá. Tuy nhiên, hạn chế về kỹ năng liên kết học liệu với nhiệm vụ học tập và việc khai thác tài liệu tham khảo bên ngoài cần được cải thiện. Các yếu tố ảnh hưởng chính bao gồm chất lượng học liệu, hạ tầng kỹ thuật, ý thức học tập và kỹ năng công nghệ. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp như đào tạo kỹ năng LMS, phát triển tài liệu hướng dẫn, nâng cao hạ tầng và tạo động lực học tập. Kết quả này góp phần cung cấp cơ sở khoa học để tối ưu hóa việc sử dụng LMS trong giáo dục đại học Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abdeleh Bassam Al Amoush, Kamaljeet Sanduhu, (2019). *LMS Tools and Data Analysis Approaches. Similarities and Differences*, in P. Pares, F. Moreira, & A Mesquita (Eds). *Educational and Social Dimensions of Digital Transformation in Organizations*, pages 65-76, IGI Global.
- [2] Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà nội (21/09/2021) Ban hành theo QĐ 3980 /QĐ – ĐHSPHN ban hành Quy chế đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ.
- [3] LV Nhung, (2015). Thực trạng và giải pháp sử dụng giáo trình điện tử để phát triển năng lực tự học cho sinh viên Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, 4, 81-89
- [4] ĐT Tín & Robetson M, (2010a), Impacts of Learning Management System on learner autonomy in EFL learning. *International Education Studies*, 3(3), 3-11.
- [5] NM Tuấn, (2020). Tác động của học liệu E- Learning đến tự học, tự bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giáo dục tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam* số đặc biệt tháng 01/2021, tr.109-114.
- [6] CTX Liên, (2021) Thực trạng sử dụng hệ thống quản lý học tập trong dạy học trực tuyến tại khoa Tiếng Anh, trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 130(6B), 49- 63

- [7] ĐT Tín & Robetson M, (2010b). *Responses to learning management System: A case study in higher education in Vietnam*. Paper presented at the ACEC2010 Conference, Melbourne, Australia.
- [8] NN Minh, (2020). The role of H on university branding: evidence from Vietnam. *Palarch's Journal Of Archarology of Rgy/Egyptology*, 17(4), 931-947
- [9] Alghamdi SR & Bayaga A, (2016). Use and attitude towards Learning Management Systems (LMS) in Saudi Arabian universities. *Eurasia Journal of Mathematics, Science & Technology Education*, 12(9), 2309-2330 doi 10,12973/eurasia 2016.1281a
- [10] LTN Lan, (2018). Khảo sát việc sử dụng nguồn học liệu trực tuyến giáo trình Life của sinh viên không chuyên ngữ, trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 2(3), 249- 259
- [11] Bakar NA, Roslan S & Osman MN, (2014). “Assessing students' readiness towards e learning. A case study in Malaysia”. *Malaysian Journal of Educational Technology*, 4(3), 51-64.
- [12] Irfandi, Festiyed, Yerimadesi, Teguh Febri Sudarma, (2023). The use of learning management system (LMS) in the teaching and learning process: *Literature review, Jurnal Pendidikan Fisika*, 12(1), 81-90, DOI: 10.24114/jpfv12:4227